

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tuyển dụng công chức, viên chức; quản lý công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 367/TTr-SNV ngày 27 tháng 9 năm 2019.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển dụng công chức, viên chức; quản lý công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày. *M.* tháng. *M.* năm 2019 và thay thế Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tuyển dụng và chuyển ngạch, nâng ngạch công chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tuyển dụng và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về việc chuyển chuyên và tiếp nhận đối với viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (phát hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- TT Công báo - Tin học (đăng công báo);
- Lưu: VT, (MM).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Dương Thanh Trung**

**QUY ĐỊNH**

**Về việc tuyển dụng công chức, viên chức; quản lý công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 1 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Việc tuyển dụng, chuyển ngạch, nâng ngạch và quản lý công chức trong cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
2. Việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thăng hạng và quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
3. Hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Công chức được quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức, công tác trong cơ quan hành chính ở cấp tỉnh, cấp huyện, công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
3. Thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ).

**Chương II  
TUYỂN DỤNG, CHUYỂN NGẠCH, NÂNG NGẠCH VÀ  
QUẢN LÝ CÔNG CHỨC**

## **Mục 1**

### **TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC**

#### **Điều 3. Căn cứ tuyển dụng công chức**

1. Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được giao.

2. Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng công chức của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (huyện, thị xã, thành phố sau đây gọi chung là cấp huyện). Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tuyển dụng theo quy định.

#### **Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ).

#### **Điều 5. Hồ sơ đăng ký dự tuyển công chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

#### **Điều 6. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

#### **Điều 7. Thẩm quyền tuyển dụng công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sau đây gọi là Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ), thẩm quyền tuyển dụng công chức như sau:

Thẩm quyền tuyển dụng công chức là Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện một số nội dung trong tuyển dụng công chức.

Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được giao của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức tuyển dụng công chức theo quy định. Kế hoạch tuyển dụng công chức được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 13/2010/TI-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử

dụng và quản lý công chức (sau đây gọi là Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

### **Điều 8. Tổ chức thi tuyển công chức**

1. Việc tuyển dụng công chức vào vị trí việc làm tương ứng với từng loại công chức được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Việc tổ chức thi tuyển công chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

a) Thành lập Hội đồng thi tuyển công chức (Hội đồng tuyển dụng).

Khi tổ chức tuyển dụng công chức, nếu số lượng người đăng ký dự tuyển trong cùng một kỳ tuyển dụng trên 30 người thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển công chức. Hội đồng thi tuyển công chức có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: Thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo, Ban kiểm tra sát hạch khi tổ chức thực hiện phỏng vấn tại vòng 2; tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định; tổ chức thi tuyển, chấm thi, chấm điểm phỏng vấn (trong trường hợp thi vòng 2 phỏng vấn); chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thi tuyển để xem xét, quyết định công nhận kết quả thi tuyển; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng, công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

b) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức.

Khi tổ chức tuyển dụng công chức, nếu số người đăng ký dự tuyển trong cùng một kỳ tuyển dụng từ 30 người trở xuống thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thành lập Hội đồng tuyển dụng. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thành lập Hội đồng tuyển dụng, giao Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện quy trình tổ chức kỳ thi theo quy định tại Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, trong đó, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng do Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện.

3. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển công chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

### **Điều 9. Tổ chức xét tuyển công chức**

1. Việc tuyển dụng công chức vào vị trí việc làm tương ứng với từng loại công chức được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Việc tổ chức xét tuyển công chức thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

a) Thành lập Hội đồng xét tuyển công chức (Hội đồng tuyển dụng).

Khi tổ chức tuyển dụng công chức, nếu số lượng người đăng ký dự tuyển trong cùng một kỳ tuyển dụng trên 30 người thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức. Hội đồng tuyển dụng công chức có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây: Thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban kiểm tra phiếu dự tuyển; Ban kiểm tra sát hạch để thực hiện phỏng vấn tại vòng 2; tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định; tổ chức kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi xét tuyển; chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả xét tuyển để xem xét, quyết định công nhận kết quả xét tuyển; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét tuyển.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề

nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng, công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

b) Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức.

Khi tổ chức tuyển dụng công chức, nếu số người đăng ký dự tuyển trong cùng một kỳ tuyển dụng từ 30 người trở xuống thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thành lập Hội đồng tuyển dụng. Trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thành lập Hội đồng tuyển dụng, giao Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện quy trình tổ chức kỳ xét tuyển theo quy định tại Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, trong đó, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng do Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện.

3. Nội dung, hình thức và thời gian xét tuyển công chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

#### **Điều 10. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức**

1. Việc thông báo tuyển dụng Sở Nội vụ phải đăng tải trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng là báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời được đăng tải trên trang điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Nội vụ trong thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển theo quy định.

2. Nội dung thông báo tuyển dụng được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Khi có thay đổi về nội dung thông báo tuyển dụng thì Sở Nội vụ phải thực hiện việc công khai thông báo tuyển dụng bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **Điều 11. Xác định người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng công chức**

1. Đối với thi tuyển công chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

2. Đối với xét tuyển công chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

#### **Điều 12. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức; thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc**

Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Điều 18 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ.

### **Điều 13. Chế độ tập sự đối với công chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và khoản 1, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ.

### **Điều 14. Hướng dẫn tập sự; chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự; bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự**

Việc hướng dẫn tập sự đối với công chức; chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự; bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự và hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự được thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

### **Điều 15. Xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng**

1. Việc xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 79/2005/TT-BNV); Thông tư số 13/2018/TT-BNV ngày 09/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi khoản 8 mục III Thông tư số 79/2005/TT-BNV; Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và các văn bản khác có liên quan.

2. Thẩm quyền xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng.

a) Đối với trường hợp đang được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do Nhà nước quy định.

Trường hợp bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống: Giám đốc Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống; trường hợp bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ (Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh lập hồ sơ trình Bộ Nội vụ theo quy

định); trường hợp bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương: Sở Nội vụ dự kiến phương án xếp ngạch, bậc lương cụ thể từng trường hợp, lập hồ sơ theo quy định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ quyết định.

b) Đối với trường hợp chưa xếp lương vào ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do Nhà nước quy định: Sở Nội vụ dự kiến phương án xếp ngạch, bậc lương cụ thể từng trường hợp, lập hồ sơ theo quy định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi Bộ Nội vụ thống nhất ý kiến, sau đó thực hiện việc xếp ngạch, bậc lương theo phân cấp quản lý.

### **Điều 16. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức**

1. Việc tiếp nhận không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Đối với trường hợp được tiếp nhận công chức để bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên thì quy trình tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển được thực hiện, như sau:

a) Đối với chức vụ trưởng phòng hoặc tương đương thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh.

Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh làm văn bản, kèm hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển để bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng hoặc tương đương, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của người được tiếp nhận và trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến về việc tiếp nhận và bổ nhiệm đối với người được tiếp nhận.

Khi có ý kiến thống nhất của Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận không qua thi tuyển và có văn bản thông báo đến các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh để thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định bổ nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

b) Đối với chức vụ phó trưởng phòng hoặc tương đương thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; trưởng phòng, phó trưởng phòng hoặc tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm văn bản, kèm hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển để bổ nhiệm chức vụ phó trưởng phòng hoặc tương đương thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; trưởng phòng, phó trưởng phòng hoặc tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của người được tiếp nhận.

Khi đủ điều kiện, tiêu chuẩn, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận không qua thi tuyển, đồng thời có văn bản thông báo đến các Sở, Ban, Ngành

cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định bổ nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

### 3. Quy trình xem xét tiếp nhận công chức.

#### a) Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

Khi tiếp nhận vào công chức đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ thì phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Giám đốc Sở Nội vụ thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ; Phó Chủ tịch Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; một ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; các ủy viên khác là công chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến vị trí tuyển dụng do Giám đốc Sở Nội vụ quyết định.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

#### b) Trường hợp không thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

Khi tiếp nhận vào công chức đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ thì không thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận vào công chức.

c) Trường hợp người được tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức tại Quy định này được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức (nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) được tính để làm căn cứ xếp ngạch, bậc lương phù hợp với vị trí việc làm được tuyển dụng.

### 4. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển vào công chức.

a) Đối với trường hợp được tiếp nhận vào công chức thì hồ sơ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức và Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV.

b) Đối với trường hợp được tiếp nhận, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên thì hồ sơ thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ.

### **Điều 17. Xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên**

1. Điều kiện, tiêu chuẩn xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 25 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ.

2. Hồ sơ đề nghị xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên.

a) Văn bản đề nghị của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong đó mô tả vị trí việc làm cần tuyển, chỉ tiêu biên chế được giao, biên chế chưa sử dụng và dự kiến xếp ngạch, bậc lương.

b) Hồ sơ của người đề nghị xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 13 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Thẩm quyền xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên.

Giám đốc Sở Nội vụ thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch và ra quyết định xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Việc xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức từ cấp huyện trở lên được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 79/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức khi thay đổi công việc và các trường hợp được chuyển công tác từ lực lượng vũ trang, cơ yếu và công ty nhà nước vào làm việc trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

## **Mục 2**

### **CHUYỂN NGẠCH, NÂNG NGẠCH ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC**

#### **Điều 18. Chuyển ngạch công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Quy định này.

#### **Điều 19. Thi nâng ngạch công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

Tổ chức thi nâng ngạch công chức được thực hiện theo Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

#### **Điều 20. Phân công tổ chức thi nâng ngạch công chức**

Giao Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

#### **Điều 21. Môn thi, hình thức, thời gian thi nâng ngạch**

Thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

#### **Điều 22. Xác định người trúng tuyển; thông báo kết quả thi; bổ nhiệm vào ngạch; xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức**

1. Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch và thông báo kết quả thi nâng ngạch công chức được thực hiện theo quy định tại khoản 16 Điều 1 (Phần xác định người trúng tuyển, thông báo kết quả thi và bổ nhiệm vào ngạch công chức) của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

2. Bổ nhiệm vào ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch.

a) Chậm nhất là 15 ngày sau ngày nhận được danh sách công chức trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên hoặc tương đương.

b) Đối với kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên chính hoặc tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức trúng tuyển.

c) Việc xếp lương đối với công chức được bổ nhiệm vào ngạch mới, thực hiện theo quy định hiện hành khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

#### **Điều 23. Nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn**

1. Đối với công chức có ngạch lương từ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống do thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân cấp huyện quyết định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Đối với công chức có ngạch lương từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên do Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Đối với các chức vụ lãnh đạo thuộc Tỉnh ủy quản lý, do Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

### **Mục 3**

## **ĐIỀU ĐỘNG, TIẾP NHẬN, THUYỀN CHUYỂN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC**

### **Điều 24. Điều động đối với công chức trong phạm vi quản lý của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Việc điều động đối với công chức phải căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và chỉ tiêu biên chế được giao của cơ quan, đơn vị.

1. Thẩm quyền của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh.

Quyết định điều động đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý; quyết định điều động đối với công chức giữ chức vụ phó trưởng phòng hoặc tương đương thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; quyết định điều động đối với công chức giữ chức vụ trưởng phòng hoặc tương đương thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban cán sự đảng UBND tỉnh.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Quyết định điều động đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý; quyết định điều động đối với công chức giữ chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng hoặc tương đương cấp huyện từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

### **Điều 25. Điều động công chức trong tỉnh ngoài phạm vi quản lý của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao và nhu cầu của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc điều động công chức trong tỉnh

ngoài phạm vi quản lý của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

## 2. Hồ sơ điều động công chức trong tỉnh.

a) Đơn xin chuyển công tác của cá nhân (đối với trường hợp chuyển công tác) hoặc văn bản của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu (xin công chức đến).

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi công chức đang công tác (Kèm theo tờ trình gửi Giám đốc Sở Nội vụ của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến).

c) Hồ sơ công chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức và Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV.

## **Điều 26. Thuyên chuyển công chức đi ngoài tỉnh**

1. Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, điều kiện của công chức, việc sử dụng công chức của cơ quan, đơn vị; thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có ý kiến đồng ý cho công chức thuyên chuyển. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc thuyên chuyển công chức đi ngoài tỉnh.

## 2. Hồ sơ thuyên chuyển công chức đi ngoài tỉnh.

a) Đơn xin chuyển công tác của công chức.

b) Văn bản đồng ý cho thuyên chuyển của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến Sở Nội vụ xem xét, cho ý kiến: Trường hợp Giám đốc Sở Nội vụ thống nhất thì có văn bản đồng ý cho công chức liên hệ chuyển công tác. Khi có văn bản đồng ý của Sở Nội vụ nơi công chức đến thì Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định thuyên chuyển công chức.

c) Hồ sơ công chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức và Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV.

## **Điều 27. Tiếp nhận công chức ngoài tỉnh đến**

1. Căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao, xét nguyện vọng của công chức xin chuyển công tác hợp lý hoặc nhu cầu của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận công chức ngoài tỉnh đến.

2. Hồ sơ tiếp nhận công chức ngoài tỉnh đến.
  - a) Đơn xin chuyển công tác của công chức hoặc văn bản của thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khi có nhu cầu.
  - b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi công chức đang công tác.
  - c) Văn bản đồng ý chuyển công tác của Giám đốc Sở Nội vụ nơi công chức đi.
  - d) Văn bản đồng ý tiếp nhận công chức đến của thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi công chức đến.
  - đ) Tờ trình của thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Giám đốc Sở Nội vụ (Nếu đồng ý, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận công chức).
  - e) Hồ sơ công chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức và Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV.

## **Mục 4**

### **QUẢN LÝ CÔNG CHỨC**

#### **Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ về điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, quyết định bổ nhiệm, xếp lương, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương; bổ nhiệm ngạch, xếp lương, nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.
2. Tổ chức việc tuyển dụng và phân công, phân cấp tuyển dụng, sử dụng công chức thuộc thẩm quyền quản lý.
3. Quyết định danh mục, số lượng vị trí việc làm; quản lý vị trí việc làm và biên chế công chức theo phân công, phân cấp và theo quy định của Đảng và của pháp luật.
4. Tổ chức thi nâng ngạch đối với công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

5. Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đãi ngộ khác đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với công chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

7. Thực hiện thống kê và báo cáo thống kê công chức theo quy định.

8. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật đối với công chức thuộc phạm vi quản lý.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo phân cấp và theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### **Điều 29. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ**

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, công chức.

2. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

a) Phê duyệt kế hoạch và tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức; công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển công chức.

b) Phê duyệt kế hoạch và tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên hoặc tương đương. Quyết định cử cán bộ, công chức thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.

c) Quyết định chuyển ngạch; bổ nhiệm ngạch và xếp lương chuyên viên chính hoặc tương đương; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nghề đối với công chức lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý và công chức có ngạch lương chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên.

d) Quyết định bổ nhiệm ngạch chuyên ngành (tương đương ngạch chuyên viên) theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định theo phân cấp quản lý.

a) Tiếp nhận không qua thi tuyển đối với những trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức.

b) Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với các trường hợp tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển.

c) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự; công chức đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ theo đề nghị của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Quyết định xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng (công chức ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống).

d) Quyết định chuyển ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống theo đề nghị của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Quyết định xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Quyết định điều động, tiếp nhận công chức trong tỉnh và ngoài tỉnh theo phân cấp quản lý.

### **Điều 30. Nhiệm vụ và quyền hạn của thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tổ chức thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước đối với công chức.
2. Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của công chức.
3. Thực hiện việc sử dụng công chức theo phân công, phân cấp; đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, nâng ngạch, điều động, luân chuyển đối với công chức theo quy định.
4. Thực hiện khen thưởng, kỷ luật công chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.
5. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.
6. Thống kê và báo cáo Sở Nội vụ về tình hình đội ngũ công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.
7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.
8. Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước, quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề theo quy định của pháp luật đối với công chức ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống (trừ các chức danh lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

## **Chương III**

### **TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC, THAY ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP, THĂNG HẠNG VÀ QUẢN LÝ VIÊN CHỨC**

#### **Mục 1**

### **TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

**Điều 31. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sau đây gọi là Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ) và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ).

### **Điều 32. Hồ sơ đăng ký dự tuyển viên chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

### **Điều 33. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức**

Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

### **Điều 34. Thẩm quyền tuyển dụng viên chức**

Thẩm quyền tuyển dụng viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ) trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được giao hoặc số lượng người làm việc, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức của đơn vị mình, đồng thời tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định và ký kết hợp đồng làm việc, cụ thể như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thủ trưởng đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức của đơn vị và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định. Sau khi tổ chức tuyển dụng, căn cứ kết quả tuyển dụng, thủ trưởng đơn vị có văn bản kèm theo danh sách trúng tuyển gửi Giám đốc Sở Nội vụ xem xét, công nhận kết quả. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày công nhận kết quả tuyển dụng, thủ trưởng đơn vị gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến thí sinh trúng tuyển, đồng thời ra quyết định tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc theo quy định.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh.

Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức của đơn vị và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định.

Sau khi tổ chức tuyển dụng, căn cứ kết quả tuyển dụng, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh có văn bản kèm theo danh sách trúng tuyển gửi Giám đốc Sở Nội vụ xem xét, công nhận kết quả. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày công nhận kết quả tuyển dụng, thủ trưởng đơn vị gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến thí sinh trúng tuyển, đồng thời ra quyết định tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc theo quy định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định. Sau khi tổ chức tuyển dụng, căn cứ kết quả tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản kèm theo danh sách trúng tuyển gửi Giám đốc Sở Nội vụ xem xét, công nhận kết quả. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày công nhận kết quả tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến thí sinh trúng tuyển, đồng thời ra quyết định tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc theo quy định.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ tài chính, tổ chức bộ máy nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp chưa được giao quyền tự chủ) Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tuyển dụng theo quy định.

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao hoặc số lượng người làm việc và nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị sự nghiệp chưa được giao quyền tự chủ, Giám đốc Sở Nội vụ tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng và tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo quy định.

Sau khi tổ chức tuyển dụng, căn cứ kết quả trúng tuyển, Hội đồng tuyển dụng có văn bản kèm theo danh sách trúng tuyển trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả trúng tuyển. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng tuyển, Sở Nội vụ gửi thông báo kết quả trúng tuyển đến thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc theo quy định.

### **Điều 35. Tổ chức thi tuyển viên chức**

1. Thành lập Hội đồng thi tuyển viên chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

a) Thành lập Hội đồng thi tuyển viên chức đối với đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ (gọi chung là Hội đồng tuyển dụng), có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm:

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là người giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các ủy viên khác là viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị do cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị do thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng Nội vụ cấp huyện; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

b) Thành lập Hội đồng thi tuyển viên chức đối với đơn vị sự nghiệp chưa được giao quyền tự chủ (gọi chung là Hội đồng tuyển dụng), có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp có số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo, Ban kiểm tra sát hạch để thực hiện phỏng vấn tại vòng 2; tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định; tổ chức thi; chấm thi; chấm điểm phỏng vấn hoặc thực hành; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo

Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển viên chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

### **Điều 36. Tổ chức xét tuyển viên chức**

1. Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

a) Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức đối với đơn vị sự nghiệp được giao quyền tự chủ (gọi chung là Hội đồng tuyển dụng), có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm:

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là người giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các ủy viên khác là viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị do cấp trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh: Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị do thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh quyết định.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng nội vụ cấp huyện; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

b) Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức đối với đơn vị sự nghiệp chưa được giao quyền tự chủ (gọi chung là Hội đồng tuyển dụng), có 05 hoặc 07 thành viên bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội



vụ; ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp có số ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: Thành lập các Ban giúp việc gồm: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban kiểm tra sát hạch để thực hiện phỏng vấn tại vòng 2; tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định; tổ chức xét tuyển, chấm thi, chấm điểm phỏng vấn; kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi xét tuyển; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét tuyển; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Nội dung và hình thức xét tuyển viên chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

**Điều 37. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức**

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thông báo tuyển dụng viên chức, các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được đăng tải trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng là báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời được đăng tải trên trang điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị trong thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển theo quy định.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thông báo tuyển dụng viên chức, Sở Nội vụ đăng tải trên một trong các phương tiện thông tin đại chúng là báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời được đăng tải trên trang điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Nội vụ trong thời hạn nhận hồ sơ của người đăng ký dự tuyển theo quy định.

3. Nội dung thông báo tuyển dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Khi có thay đổi về nội dung thông báo tuyển dụng thì các cơ quan, đơn vị phải thực hiện việc công khai thông báo tuyển dụng bổ sung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

### **Điều 38. Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức**

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo kết quả tuyển dụng viên chức và thực hiện theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo về Sở Nội vụ theo quy định.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

### **Điều 39. Xác định người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức**

1. Đối với thi tuyển viên chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

2. Đối với xét tuyển viên chức: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

### **Điều 40. Các nội dung liên quan đến hợp đồng làm việc**

Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

### **Điều 41. Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc**

1. Thời hạn ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền ký kết hợp đồng làm việc.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ.

Đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do thủ trưởng đơn vị sự nghiệp ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển; đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, do thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cấp trưởng đơn vị sự nghiệp ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển; đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cấp trưởng đơn vị sự nghiệp ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ.

Đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do thủ trưởng đơn vị sự nghiệp ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển viên chức; đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, do thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển viên chức; đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân

dân cấp huyện, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký kết hợp đồng làm việc.

**Điều 42. Chế độ tập sự đối với viên chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ và khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

**Điều 43. Hướng dẫn tập sự đối với viên chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ và khoản 12 Điều 2 của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

**Điều 44. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự; trình tự, thủ tục bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp khi hết thời gian tập sự; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự**

Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự; trình tự, thủ tục bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp khi hết thời gian tập sự; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự được thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

**Điều 45. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức**

1. Các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

2. Quy trình xem xét tiếp nhận vào viên chức.

a) Khi xem xét tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ thì phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Giám đốc Sở Nội vụ thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch. Hội đồng kiểm tra sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ; Phó Chủ tịch Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; một ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ; các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến vị trí tuyển dụng do Giám đốc Sở Nội vụ quyết định.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch được quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

c) Sau khi có kết quả kiểm tra, sát hạch, Hội đồng kiểm tra, sát hạch báo cáo, trình Giám đốc Sở Nội vụ công nhận kết quả và ra quyết định tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền.

3. Khi tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ thì không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm văn bản đề nghị, kèm theo hồ sơ gửi về Sở Nội vụ. Sau khi thẩm định về điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận vào viên chức.

4. Việc tiếp nhận vào viên chức đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này để bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên trong đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như sau:

a) Đối với chức vụ trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, làm văn bản, kèm hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào viên chức để bổ nhiệm, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của người được tiếp nhận và trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến về việc tiếp nhận và bổ nhiệm đối với người được tiếp nhận.

Khi có ý kiến thống nhất của Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận không qua xét tuyển và có văn bản thông báo đến thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh để thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định bổ nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

b) Đối với chức vụ phó trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; trưởng phòng, phó trưởng phòng hoặc tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, làm văn bản, kèm hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào viên chức để bổ nhiệm, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của người được tiếp nhận.

Khi đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận không qua xét tuyển, đồng thời có văn bản thông báo đến thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định bổ nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

5. Trường hợp người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức theo Quy định này được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức (nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) được tính để làm căn cứ xếp lương theo chức danh nghề nghiệp phù hợp với vị trí việc làm được tuyển dụng.

6. Hồ sơ người được tiếp nhận không qua xét tuyển vào viên chức.

a) Đối với trường hợp được tiếp nhận vào viên chức: Hồ sơ cá nhân được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

b) Đối với trường hợp được tiếp nhận, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên thì hồ sơ thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ.

## Mục 2

### THAY ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ THĂNG HẠNG ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC

#### Điều 46. Xét chuyển chức danh nghề nghiệp

1. Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Việc xét chuyển sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng đối với viên chức được tiến hành như sau:

a) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xem xét các văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng của viên chức; kiểm tra, sát hạch về hiểu biết, về chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với vị trí việc làm mới.

b) Nếu viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm mới thì thực hiện việc xét bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới theo phân cấp như sau:

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV (ngạch chuyên viên hoặc tương đương và ngạch cán sự hoặc tương đương trở xuống): Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện do thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban,

Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xét chuyên và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới; đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, căn cứ vào vị trí việc làm, đơn vị sự nghiệp lập kế hoạch thay đổi chức danh nghề nghiệp trình thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xem xét tổ chức chuyển chức danh nghề nghiệp theo quy định, đồng thời có văn bản kèm danh sách thay đổi chức danh nghề nghiệp được xét gửi Sở Nội vụ công nhận kết quả trước khi quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới; đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thì thủ trưởng đơn vị căn cứ vào vị trí việc làm tổ chức xét và gửi về Sở Nội vụ để công nhận kết quả trước khi quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp mới.

Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (ngạch chuyên chính hoặc tương đương) và viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện do thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản và lập thủ tục theo quy định gửi Giám đốc Sở Nội vụ xem xét quyết định theo phân cấp (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ và đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ).

Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Tỉnh ủy quản lý. Sở Nội vụ lập thủ tục theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Khi xét thay đổi chức danh nghề nghiệp không được kết hợp nâng bậc lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

#### **Điều 47. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức**

Viên chức được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử đi đào tạo nâng cao trình độ và đã có bằng tốt nghiệp nếu được bố trí vào vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu của trình độ đào tạo và đạt tiêu chuẩn, điều kiện và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp thì được thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

1. Thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương chuyên viên cao cấp do Bộ quản lý chuyên ngành chủ trì tổ chức.

2. Thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương chuyên viên chính do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật và sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án.

3. Thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với chức danh tương đương cán sự, chuyên viên do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

4. Thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

a) Giám đốc Sở Nội vụ quyết định danh sách viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng và chủ trì tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức từ hạng IV lên hạng III đối với đơn vị sự nghiệp khác theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

b) Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ quyết định danh sách viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức thuộc ngành giáo dục từ hạng IV lên hạng III theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

c) Sở Y tế quyết định danh sách viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức thực hiện thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức thuộc ngành y tế từ hạng IV lên hạng III theo hướng dẫn của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

d) Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức từ hạng III lên hạng II, Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định danh sách viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng và tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

#### **Điều 48. Xây dựng kế hoạch thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Căn cứ nhu cầu cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và đề nghị chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế theo thẩm quyền được phân cấp tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 Điều 47 của Quy định này, xây dựng kế hoạch tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III để tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Căn cứ nhu cầu cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án và kế hoạch thi hoặc xét thăng hạng nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký gửi Bộ Nội vụ phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Căn cứ chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I được Bộ Nội vụ và các Bộ quản lý chuyên ngành phân bổ, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ tuyển và lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký văn bản cử viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng theo quy định.

#### **Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ) và quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành theo quy định của Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

**Điều 50. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

**Điều 51. Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I.

Căn cứ kế hoạch tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp của Bộ Nội vụ và Bộ quản lý chuyên ngành, Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ tuyển, lập thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký gửi Bộ Nội vụ hoặc các Bộ quản lý viên chức chuyên ngành theo quy định.

2. Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II.

Căn cứ kế hoạch thăng hạng chức danh nghề nghiệp được Bộ Nội vụ phê duyệt, Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quyết định danh sách dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III.

Sở Nội vụ (đối với viên chức đơn vị sự nghiệp khác), Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ (đối với viên chức đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục), Sở Y tế (đối với viên chức đơn vị sự nghiệp ngành y tế) thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quyết định danh sách dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và tổ chức thực hiện theo quy định.

**Điều 52. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II có 05 hoặc 07 thành viên gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
- c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ.

d) Các ủy viên Hội đồng là lãnh đạo và công chức, viên chức các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và đơn vị có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (đối với viên chức đơn vị sự nghiệp khác) từ hạng IV lên hạng III có 05 hoặc 07 thành viên gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp trưởng hoặc cấp phó đơn vị sự nghiệp có viên chức tham gia kỳ thi hoặc xét thăng hạng.

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ.

d) Các ủy viên Hội đồng là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan do Giám đốc Sở Nội vụ quyết định.

3. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (đối với viên chức đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục) từ hạng IV lên hạng III có 05 hoặc 07 thành viên gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng phụ trách công tác cán bộ của Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ.

d) Các ủy viên Hội đồng là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan do Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ quyết định.

4. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (đối với viên chức đơn vị sự nghiệp ngành y tế) từ hạng IV lên hạng III có 05 hoặc 07 thành viên gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ.

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng phụ trách công tác cán bộ của Sở Y tế.

d) Các ủy viên Hội đồng là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan do Giám đốc Sở Y tế quyết định.

5. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế tổ chức kỳ thi hoặc xét tuyển công chức, viên chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

**Điều 53. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I do Bộ Nội vụ ra quyết định bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II. Căn cứ vào công nhận kết quả của Bộ Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II đối với viên chức đã trúng tuyển, sau đó báo cáo về Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, căn cứ vào công nhận kết quả thi hoặc xét thăng hạng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III đối với viên chức đã trúng tuyển và báo cáo về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Việc xếp lương đối với viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp sau khi trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

**Điều 54. Nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung và phụ cấp thâm nghề**

1. Đối với viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng III (ngạch chuyên viên hoặc tương đương) và hạng IV (ngạch cán sự hoặc tương đương) do thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định (riêng nâng bậc lương trước thời hạn phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ).

2. Đối với viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng II (ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương) do Giám đốc Sở Nội vụ quyết định và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (riêng nâng bậc lương trước thời hạn do Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định).

3. Đối với viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng I (ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương) do Sở Nội vụ lập thủ tục, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Nội vụ.

4. Đối với các chức vụ lãnh đạo thuộc Tỉnh ủy quản lý, do Giám đốc Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

**Mục 3**  
**ĐIỀU ĐỘNG, TIẾP NHẬN, THUYỀN CHUYỂN**  
**ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC**

**Điều 55. Điều động đối với viên chức trong phạm vi quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Việc điều động đối với viên chức phải căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và chỉ tiêu biên chế được giao của cơ quan, đơn vị.

1. Thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh.

a) Quyết định điều động đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý.

b) Quyết định điều động đối với viên chức giữ chức vụ phó trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

c) Quyết định điều động đối với viên chức giữ chức vụ trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban cán sự đảng UBND tỉnh.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động đối với viên chức, bao gồm cả viên chức giữ chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng hoặc tương đương từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Quyết định điều động đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý.

b) Quyết định điều động đối với viên chức giữ chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng hoặc tương đương cấp huyện từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

c) Đối với viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo cấp huyện, giao cho trưởng phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện quyết định điều động viên chức trong đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 56. Điều động viên chức trong tỉnh ngoài phạm vi quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc điều động viên chức trong tỉnh ngoài phạm vi quản lý

của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thành phần hồ sơ điều động viên chức trong tỉnh.

a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức (đối với trường hợp xin chuyển công tác) hoặc văn bản của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu viên chức đến.

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi viên chức đang công tác (Kèm theo tờ trình gửi Giám đốc Sở Nội vụ của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến).

c) Hồ sơ cá nhân viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

**Điều 57. Thuyên chuyển viên chức đi ngoài tỉnh**

1. Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, điều kiện của viên chức, việc sử dụng viên chức của cơ quan, đơn vị; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến đồng ý cho viên chức thuyên chuyển. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc thuyên chuyển viên chức đi ngoài tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ thuyên chuyển viên chức đi ngoài tỉnh.

a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức.

b) Văn bản đồng ý cho thuyên chuyển của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến Sở Nội vụ xem xét, cho ý kiến: Nếu Giám đốc Sở Nội vụ thống nhất thì có văn bản đồng ý cho viên chức liên hệ chuyển công tác; khi có văn bản đồng ý của Giám đốc Sở Nội vụ của tỉnh nơi viên chức đến, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định thuyên chuyển viên chức.

c) Hồ sơ cá nhân viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

**Điều 58. Tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh đến**

1. Căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao, xét nguyện vọng của viên chức xin chuyển công tác hợp lý hoặc nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh đến.

2. Thành phần hồ sơ tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh đến.

a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức hoặc văn bản của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu.

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi viên chức đang công tác.

c) Văn bản đồng ý chuyển công tác của Giám đốc Sở Nội vụ nơi viên chức đi.

d) Văn bản đồng ý tiếp nhận viên chức đến của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi viên chức đến.

đ) Tờ trình của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Giám đốc Sở Nội vụ. Nếu đồng ý, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận viên chức.

e) Hồ sơ cá nhân viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

## **Mục 4** **QUẢN LÝ VIÊN CHỨC**

### **Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Quản lý về số lượng, tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp; quyết định nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức; căn cứ ý kiến của Bộ Nội vụ về điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, quyết định bổ nhiệm, xếp lương, nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức tương đương chuyên viên cao cấp; quyết định bổ nhiệm, xếp lương, nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức tương đương chuyên viên chính.

2. Phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo phân công, phân cấp và theo quy định của Đảng và của pháp luật.

4. Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tương đương chuyên viên chính đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của

bộ quản lý về chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành. Tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tương đương cán sự, chuyên viên đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

5. Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

6. Thực hiện thống kê và báo cáo thống kê viên chức theo quy định.

7. Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành các quy định của pháp luật đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo phân cấp và quy định của pháp luật.

#### **Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ**

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

a) Phê duyệt kế hoạch và tổ chức thi tuyển, xét tuyển viên chức; công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức.

b) Phê duyệt kế hoạch và tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II (chuyên viên hoặc tương đương lên chuyên viên chính hoặc tương đương).

c) Quyết định chuyển ngạch; bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng II (chuyên viên chính hoặc tương đương). Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nghề đối với viên chức lãnh đạo thuộc Tỉnh ủy quản lý.

2. Quyết định theo phân cấp quản lý.

a) Tiếp nhận không qua xét tuyển đối với những trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng viên chức.

b) Thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức đơn vị sự nghiệp công lập khác.

c) Quyết định điều động, chuyển, tiếp nhận viên chức từ đơn vị này sang đơn vị khác ngoài phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và ngoài tỉnh.

d) Có ý kiến điều động viên chức từ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ sang đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ.

#### **Điều 61. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch và thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức ngành giáo dục từ hạng IV lên hạng III, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

### **Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Y tế**

Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch và thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức ngành y tế từ hạng IV lên hạng III, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

### **Điều 63. Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập**

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ.

a) Thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước đối với viên chức theo phân cấp.

b) Cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện việc ký và chấm dứt hợp đồng làm việc theo phân cấp.

d) Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đánh giá viên chức theo phân cấp.

đ) Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

e) Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

g) Giải quyết thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức theo phân cấp.

h) Thống kê và báo cáo Sở Nội vụ về số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo quy định pháp luật.

b) Cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo quy định pháp luật.

b) Cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo quy định pháp luật.

b) Cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Chương IV**  
**THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG MỘT SỐ LOẠI**  
**CÔNG VIỆC TRONG CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC,**  
**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

**Điều 64. Thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ; khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

**Điều 65. Các công việc không thực hiện ký hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập**

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

**Điều 66. Ký kết, thực hiện, thay đổi, chấm dứt, thanh lý hợp đồng và giải quyết tranh chấp khi hợp đồng các công việc nói tại Điều 1 Nghị định số 68/2000/NĐ-CP**

Thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

**Điều 67. Điều kiện đối với bên ký hợp đồng với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và điều kiện đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng**

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

**Điều 68. Thẩm quyền ký hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập**

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ.

**Chương V  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 69.** Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về những việc được giao quyền tuyển dụng công chức, viên chức; quản lý công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 70.** Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./. M

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Dương Thành Trung**